Unit 9: Pronunciation (trang 28)

1. (trang 28 SBT Tiếng Anh 10 mới) Find the word with a stress pattern that is different from the others. (Tìm từ có trọng âm khác với những từ khác)

Đáp án:

1. in'vention 2. 'editor 3. 'atmosphere 4. 'chemical 5. a'wareness

2. (trang 28 SBT Tiếng Anh 10 mới) Read the following sentences aloud. Underline the three-syllable nouns. (Đọc to các câu sau đây. Gạch dưới các danh từ ba âm tiết)

Đáp án:

1. pollution 2. editor 3. depletion, pollution 4. pollution 5. pollutants, detergents, pesticides, chemicals

Unit 9: Vocabulary and Grammar (trang 28)

1. (trang 28 SBT Tiếng Anh 10 mới) Complete the following crossword puzzle. (Hoàn thành câu đố ô chữ)

Đáp án:

1. environment 2. plants

3. pollution 4. preservation

5. people 6. animals

7. impact 8. depletion

2. (trang 29 SBT Tiếng Anh 10 mới) Use the words from the crossword puzzle to complete the sentences. (Sử dụng các từ từ câu đố ô chữ để hoàn thành câu)

Đáp án:

1. depletion 2. environment 3. animals 4. preservation

5. people 6. pollution 7. impact 8. plants

3. (trang 29 SBT Tiếng Anh 10 mới) Make nouns from the verbs by adding the correct suffix -tion, -sion, or -ation. Make changes in the word form, if necessary. (Tạo các danh từ từ động từ bằng cách thêm hậu tố chính xác -tion, -sion, or -ation. Thực hiện thay đổi trong mẫu từ, nếu cần)

Đáp án:

1. erosion 2. consumption 3. depletion 4. destruction

5. contamination 6. protection 7. deforestation 8. pollution

4. (trang 29 SBT Tiếng Anh 10 mới) Use the nouns in 3 to complete the sentences. Each noun is used once. (Sử dụng các danh từ trong 3 để hoàn thành câu. Mỗi danh từ được sử dụng một lần)

Đáp án:

1. consumption 2. depletion 3. pollution 4. contamination

5. destruction 6. erosion 7. protection 8. deforestation

Hướng dẫn dịch:

1. Lượng tiêu thụ dầu tăng dần ở nhiều nước là mối quan tâm của các nhà môi trường.

2. Sự tăng của những ca mắc ung thư da đã được ghi nhận cùng với sự suy yếu của tầng ozone.

3. Phân bón và thuốc bảo vệ thực vật đặc được sử dụng trong nông nghiệp đã gây ra sự ô nhiễm nặng trong nguồn nước, đất và không khí.

4. Sự nhiễm độc của dòng sông nhà được chứng minh bởi các nhà khoa học là bị gây ra bởi việc xả nước thải chưa qua xử lí xuống.

5. Các nhà khoa học có thể giải thích các hậu quả của việc tàn phá môi trường sống hiện nay.

6. Mỗi năm có khoảng 15,000 mẫu đất màu bị rửa trôi ở Haiti, đã gây ra sự xói mòn đất nặng nề.

7. Bảo vệ môi trường khỏi các nguy cơ như phá rừng, sự tuyệt chủng của các loài đông vật quý hiếm, ô nhiễm và suy giảm các nguồn tài nguyên tự nhiên là một trong những nhiệm vụ của WWF.

8. Nạn phá rừng trong thế kỉ 20 làm cho hoa màu ở khu vực này, đã từng là nơi trú ngụ của rất nhiều loài động vật, biến mất.

5. (trang 30 SBT Tiếng Anh 10 mới) Read and underline the incorrect words in the following sentences. Correct them. (Đọc và gạch dưới các từ không chính xác trong các câu sau đây. Sửa chữa chúng)

Đáp án:

1. environmental → environment

2. deforestation → forestation

3. environment → environmental

4. preservation → preserved

5. confusion → confused

6. globe → global

7. erode → erosion

6. (trang 30 SBT Tiếng Anh 10 mới) Change the following sentences in direct speech to reported speech. (Chuyển các câu từ dạng trực tiếp sang gián tiếp)

Đáp án:

1. Nam said that the environment was severely affected by pollution.

2. Mai said that the burning of fossil fuels led to air pollution.

3. Peter said that intensive insecticide and pesticide sprays in agriculture made the soil contaminated.

4. Tony said that the disposal of untreated sewage in rivers and oceans led to water pollution.

5. Mary said that loud and annoying sounds from innumerable vehicles in the highway nearby caused noise pollution.

6. Mai said that the rising sea level was a product of global warming, a natural phenomenon. The only unnatural thing about global warming was the accelerated rate at which it was happening.

7. Linda said that environmental pollution was an impact of human activities on the environment.

7. (trang 30 SBT Tiếng Anh 10 mới) Put the following text into conversational form using direct speech. (Đặt văn bản dưới đây vào dạng đối thoại sử dụng lời nói trực tiếp)

Đáp án:

Hi Mai, this is Peter. He is an environmentalist.

I am pleased to meet you, Mai.

It's my pleasure. I hope you're enjoying your visit to the country and the newspaper office.

I thought the office was a small one but it isn't. I like the friendly environment of the country. I'm going to fly to Hawaii next week.

Unit 9: Reading (trang 31)

1. (trang 31 SBT Tiếng Anh 10 mới) Read the text about Rainforests. Match paragraphs (1-3) with the missing first sentences (a - d). There is one extra sentence that you don't need to use. (Đọc văn bản về Rừng mưa nhiệt đới. Nối các đoạn văn (1-3) với các câu đầu tiên bị mất (a - d). Có thêm một câu mà bạn không cần phải sử dụng)

1 – d 2 – a 3 – c

Hướng dẫn dịch:

Rừng mưa là nơi trú ngụ giá trị cho các loài động vật hoang dã và thực vật. Chúng cũng rất quan trong bởi số lượng lớn cây cối ở đây cung cấp oxi thông qua quá trình quang hợp, và giúp điều hòa khí hậu thế giới và không khí. Đó là lý do rừng mưa thường được ví như lá phổi xanh của Trái Đất.

Mặc dù có giá trị lớn, rừng mưa trên thế giới đang dần bị phá hủy. Đó gọi là phá rừng. Cây bị đốn hạ để làm nguyên liệu gỗ hoặc giấy, và việc sử dụng đất nông nghiệp trồng các cây như đậu nành hay dầu cọ. Đậu nành được sử dụng làm thức ăn cho con người và động vật. Dầu cọ được dùng để sản xuất thức ăn, và dùng thay thế cho xăng và dầu diesel.

Mọi người đều có thể giúp giảm nạn phá rừng và cứu các cánh rừng mưa, hoặc ở một cấp độ cao hơn, hệ sinh thái của cả thế giới. Những bước sau có thể được viết tắt thành từ TREES:

- T(each): Dạy người khác về sự quan trọng của môi trường và làm sao để giúp giữ các cánh rừng mưa.

- R(estore): Tái tạo lại hệ sinh thái đã bị ảnh hưởng bằng cách trồng cây trên đất nơi rừng đã bị phá.

- E(ncourage): Động viên mọi người hãy có lối sống sao cho không làm hại môi trường.

- E(stablish): Tạo ra các công viên để bảo vệ rừng mưa và các loài động vật hoang dã.

- S(upport): Hỗ trợ các công ty có hoạt động giảm thiểu tối đa các tác hại đến môi trường.

2. (trang 31 SBT Tiếng Anh 10 mới) Read the questions and find the answers in the text. (Đọc các câu hỏi và tìm câu trả lời trong văn bản)

Đáp án:

1. Because they provide oxygen, and help to regulate the world's climate and atmosphere.

2. They are compared with the “lungs” of the Earth.

3. They are cut down for materials such as wood and paper, and the use of farming land and crops.

4. Soya is grown for human food and animal feed, and palm oil is grown for bio-fuel alternative to petrol and diesel.

5. It is the abbreviation for "Teach", "Restore", "Encourage", "Establish" and "Support".

3. (trang 32 SBT Tiếng Anh 10 mới) Complete the sentences with the words from the box. Change the word form if necessary. (Hoàn thành các câu với các từ trong hộp. Thay đổi mẫu từ nếu cần)

Đáp án:

1. alternative 2. worldwide 3. encouraged 4. photosynthesis

5. establish 6. cleared 7. restored

Unit 9: Speaking (trang 32)

1. (trang 32 SBT Tiếng Anh 10 mới) Work in pairs. Describe the types of pollution you see in the photos. (Làm việc theo cặp. Mô tả các loại ô nhiễm bạn nhìn thấy trong ảnh)

Đáp án:

b. air pollution

d. health problems

2. (trang 33 SBT Tiếng Anh 10 mới) The following is an interview about air pollution. Read and match (a - d) with (1 - 4). Practise the conversation with a partner. (Sau đây là một cuộc phỏng vấn về ô nhiễm không khí. Đọc và nối (a - d) với (1 - 4). Thực hành cuộc trò chuyện với bạn)

1. c 2. d 3. a 4. b

Hướng dẫn dịch:

Người phỏng vấn: Bây giờ là 7 giờ sáng, giờ cao điểm trong thành phố. Giao thông đang tắc nghẽn. Nhiều người đang đeo khẩu trang vì khói bụi từ tất cả các loại phương tiện giao thông xả ra… Tôi sẽ hỏi một học sinh xem cậu ta nghĩ gì về sự ô

nhiễm ở đây… Xin chào, xin lỗi làm phiền em một chút. Anh có thể hỏi em vài câu hỏi về môi trường không?

Nam: Vâng, được ạ.

Người phỏng vấn: Em có hay đi bộ đến trường không?

Nam: Ồ, không ạ. Em đi bằng xe bus. Anh có thấy bến xe bus đằng kia không?

Người phỏng vấn: Ồ, anh thấy. Sao em lại đi đến trường bằng xe bus?

Nam: Vì em sống ở ngoại ô. Đi bằng xe bus rẻ hơn và an toàn hơn. Em cũng là thành viên của chương trình chống ô nhiễm môi trường ở trường em. Anh có thấy khí thải ra từ những chiếc xe ô tô và xe máy kia không?

Người phỏng vấn: Có, tất nhiên rồi. Anh có thể thấy rất nhiều người đang đeo khẩu trang. Ý kiến của em về việc đeo khẩu trang và em nghĩ gì về môi trường của thành phố?

Nam: Nhiều người đeo khẩu trang vì sự ô nhiễm không khí có thể gây khó chịu cho mắt, mũi và cổ họng của họ, và các vấn đề khác như đau đầu và hen suyễn. Ô nhiễm không khí cũng làm tăng hiệu ứng nhà kính và biến đổi khí hậu. Về môi trường ư? Anh thấy nó ô nhiễm thế nào đấy.

Người phỏng vấn: Ồ, có vẻ như em biết rất nhiều về ô nhiễm không khí. Cảm ơn em rất nhiều, chúc em một ngày vui vẻ!

Unit 9: Writing (trang 33)

1. (trang 33 SBT Tiếng Anh 10 mới) Write complete sentences about air pollution, using the words and phrases below. You may have to add linking words and make changes in the word form, if necessary. (Viết câu đầy đủ về ô nhiễm không khí, sử dụng các từ và cụm từ bên dưới. Bạn có thể phải thêm từ liên kết và thực hiện thay đổi trong mẫu từ, nếu cần)

Đáp án:

1. One of the biggest environmental impacts of human activities is air pollution.

2. Smoke from aircrafts, factory chimneys, bonfires, different kinds of vehicles on streets, and many other factors damage clean air every day.

3. Industrial factories throw into the air huge amounts of pollutant gases.

4. The air in many areas is so unclean that many people have to wear masks when going out on the streets.

5. Air pollution leads to the greenhouse effect making the temperature of the earth's surface higher.

6. Global warming leads to the polar ice caps melting, the rise of worldwide sea levels, climate changes and other natural disasters.

7. Everyone living on the Earth should have the responsibility to reduce air pollution and protect clean air for our survival.

8. Worldwide governments should have control measures to reduce air pollution and protect the natural environment for the future generations.

2. (trang 34 SBT Tiếng Anh 10 mới) Write a paragraph of 150 words about air pollution, using the ideas in 1 and the suggested writing frame below. (Viết một đoạn 150 từ về ô nhiễm không khí, sử dụng các ý tưởng trong 1 và khung văn bản gợi ý dưới đây)

Gợi ý:

Among the environmental problems that we are facing, air pollution is a serious one. It is one of the biggest environmental impacts of human activities. There are many causes that lead to air pollution. Smoke from aircrafts, factory chimneys, bonfires, different kinds of vehicles on streets, and many other factors damage clean air every day. In addition, industrial factories throw into the air huge amounts of pollutant gases. Air pollution leads to some negative consequences. The air in many areas is so polluted that many people have to wear masks when going out on the streets. Moreover, air pollution leads to greenhouse effect making the temperature of the earth’s surface higher. To reduce air pollution, something must be done. Everyone living on the Earth should have the responsibility to reduce air pollution and protect clean air for our survival. In the higher scale, worldwide governments should have control measures to reduce air pollution and protect the nature environment for the future generations.